

Số: 06 /GPMT-TNMT

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 9886/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ủy quyền Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi “Giấy phép môi trường”; thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra cấp “Giấy phép môi trường”;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP tại Văn bản số 24-885/PBHC-VP ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Văn bản số 24-1542/PBHC-VP ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Cao ốc văn phòng PVFCCo Building”, địa chỉ: số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24 quận Bình Thạnh;

Theo đề nghị của Tổ Kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Cao ốc văn phòng PVFCCo Building” tại Tờ trình ngày 17 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - địa chỉ: số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cao ốc văn phòng PVFCCo Building” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Cao ốc văn phòng PVFCCo Building”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24 quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần số: 0303165480 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16 tháng 02 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.4. Mã số thuế: 0303165480

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Văn phòng làm việc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Diện tích khu đất: 579 m² (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 28016/2001 do UBND Thành phố cấp ngày 28/11/2001; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 390/TNMT/2003, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 391/TNMT/2003, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 392/TNMT/2003 do UBND Thành phố cấp ngày 24/12/2003 (mục đích sử dụng đất: đất xây dựng cao ốc văn phòng) và Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 232/2009/GCN-QSHCTXD do UBND Thành phố cấp ngày 25/11/2009, hạng công trình: cao ốc văn phòng).

Quy mô, công suất: 02 hầm + lửng + 13 tầng + sân thượng. Tổng số người tối đa 264 người/ngày.

Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Phường 24 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- PCT.UBND quận (ĐT);
- UBND Phường 24;
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP;
- Lưu: VT, TNMT-MT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Châu Thi

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-TNMT ngày 17 tháng 9 năm 2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải từ bồn cầu, bệ xí của nhà vệ sinh.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ các bồn rửa, vệ sinh khu chứa rác, vệ sinh sàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

2.2. Vị trí xả nước thải: hố ga đầu nổi tại địa chỉ số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24 quận Bình Thạnh. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 604.689; 1.194.990.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phương thức xả nước thải: bơm, chảy ngầm ra nguồn tiếp nhận.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

3. Chất lượng nước thải:

- Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	6.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bệ xí nhà vệ sinh (được thu gom theo đường ống PVC Ø90 dẫn ra hệ thống ống đứng PVC Ø114, Ø140) cùng nước thải từ các bồn rửa, vệ sinh khu chứa rác và vệ sinh sàn (được thu gom theo đường ống PVC Ø42 dẫn ra hệ thống ống đứng PVC Ø60, Ø90, Ø114) dẫn về bể tự hoại, sau đó theo đường ống PVC Ø60 về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý được bơm, chảy ngầm ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ hoạt động lavabo, vệ sinh sàn, vệ sinh khu chứa rác và nước thải sinh hoạt) → Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 25 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH: 10 kg/tháng; Chlorine: 10 kg/tháng; Mật rỉ đường: 1 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện nạo vét, khơi thông hệ thống đường cống theo định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước thải, hạn chế sự cố rò rỉ hoặc chảy tràn do vỡ đường ống; kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; khi phát hiện hiện sự cố từ hệ thống xử lý nước thải có biện pháp khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của đơn vị bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, thu gom xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

ÉT
I VI
NG
PH



Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-TNMT ngày 17 tháng 9 năm 2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải máy phát điện dự phòng công suất 400 KVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO vận hành máy phát điện dự phòng (theo thời gian hoạt động của máy phát điện dự phòng).

2.2. Vị trí xả khí thải: ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng, địa chỉ: số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24 quận Bình Thạnh (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 604.712; Y(m): 1.194.980.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn, không liên tục.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, K _p = 1, K _v = 0,6)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	CO	mg/Nm ³	600	01 lần/năm
2	SO ₂	mg/Nm ³	300	
3	NO _x	mg/Nm ³	510	
4	Bụi	mg/Nm ³	120	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Khí thải được thu gom bằng ống dẫn khí cao 3,3 m (so với mặt đất), bố trí ống khói cách trạm biến áp khoảng 1,5 m, khí thải đi qua bộ lọc thoát ra ngoài môi trường không khí xung quanh.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình xử lý: bụi, khí thải → ống thoát khí (có lắp đặt bộ lọc) → môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành máy móc theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Thường xuyên kiểm tra bộ phận làm mát không tắc nghẽn bởi bụi bẩn hoặc cặn bẩn; bảo dưỡng, bảo trì các máy móc thiết bị theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Gần khu vực đặt máy phát điện, bố trí bình chữa cháy cầm tay để thực hiện công tác ứng phó khi sự cố cháy nổ xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.4. Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 17 tháng 9 năm 2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hệ thống xử lý nước thải.
- + Nguồn số 2: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰):

- + Tiếng ồn từ hệ thống xử lý nước thải: X(m): 604.705; Y(m): 1.194.983.
- + Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng: X(m): 604.712; Y(m): 1.194.980.

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	01 năm/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	01 năm/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Máy phát điện đặt trong thùng cách âm nằm trên bệ móng bê tông cốt thép cố định. Thùng cách âm có kết cấu vỏ tiêu âm, chất liệu bên ngoài thùng và phần mái là tôn dày 2mm, được sơn tĩnh điện có khả năng chống thấm nước mưa và chống cháy. Chân đế cao su chống rung, bên trong thùng được trang bị mút xốp tiêu âm có chất liệu poly, cấu tạo dạng hình tròn cấu trúc ô kín và độ nén cao có khả năng hấp thụ âm thanh tốt.

Máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải (cột lọc áp lực) được đặt trong khu vực phòng kín, cách âm tốt; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thay thế những thiết bị hỏng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 17 tháng 9 năm 2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên loại CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3
2	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	2
3	Dầu thải	Lỏng	15 01 07	1
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	8
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	1
Tổng cộng				15

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 38,045 tấn/năm

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường (bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại): 407 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Bố trí 05 thùng rác HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy, bên ngoài mỗi thùng có dán nhãn tên phân loại, mã chất thải nguy hại. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 2 m² đặt tại tầng hầm B2, mặt sàn cao, có gờ chống tràn, dán nhãn cảnh báo khu vực chất thải nguy hại, quản lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Khu lưu chứa có diện tích 6 m² đặt tại tầng hầm B2, trang bị 03 thùng rác HDPE dung tích 240 lít có nắp đậy và 26 thùng rác HDPE dung tích 10 lít tại hành lang (2 thùng/tầng). Đối với rác thải có thể tái chế (túi ni lông, chai nhựa, giấy thải, bìa cứng,...) được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

Bể chứa bùn có kích thước 1m x 1m x 1,9m và bể tự hoại có kích thước 5,8m x 1,4m x 3,0m được làm bằng vật liệu bê tông cốt thép, định kỳ 06 tháng/lần được chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, gồm phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, phòng ngừa sự cố rò rỉ nhiên liệu, phòng ngừa, ứng phó các sự cố chất thải nguy hại, phòng ngừa sự cố của hệ thống xử lý nước thải, biện pháp an toàn hóa chất, phòng ngừa sự cố sụt lún.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 17 tháng 1 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Cơ sở “Cao ốc văn phòng PVFCCo Building” đã hoàn thành các hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 76/GXN-UBND-TNMT ngày 14/8/2007 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu trữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

NAM
VÀ
G
TỔ CHỨC MIỄN

